TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 11 - 2018
V/v: Ly hôn giữa chị L và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Sơn.

2. Ông Nguyễn Huy Sự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà*:* Bà Lê Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST - HNGĐ ngày 23/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nhâm Thị Thùy L, sinh năm 1997; có mặt.

Nơi ĐKHKTT: Thôn 7, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Xóm 2, xã M, huyện ML, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Trần Đình T, sinh năm 1993; vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn 7, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nhâm Thị Thùy L trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Trần Đình T tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam vào ngày 02/6/2014, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị kết hôn với anh T khi tuổi đời còn quá trẻ, chưa va vấp nhiều với xã hội nên khi về nhà anh T sống thì chị không khéo léo trong cách cư xử với mọi người bên gia đình chồng cũng không biết cách lo toan công việc gia đình và chăm sóc con cái, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va trạm mâu thuẫn đánh cãi

chửi nhau, trong lúc nóng giận chị cũng đã có những lời lẽ thiếu tôn trọng anh Tvà bố mẹ chồng nên anh T đã đánh và đuổi chị nhiều lần; mặt khác thì bố mẹ anh T lại bênh vực anh T mỗi khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 9/2017, anh T đến tìm nhưng chị không về chung sống với anh T nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Tại phiên tòa bị, đơn anh Trần Đình T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, song tại biên bản lấy lời khai ngày 17/9/2018 anh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nhâm Thị Thùy L vào ngày 02/6/2014, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyên và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 02/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L tính tình trẻ con, không tu trí làm ăn, không chăm lo cho gia đình và con cái, nhiều lần tự ý bỏ đi, thậm chí còn lấy cả tài sản của gia đình anh mang đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, anh và gia đình đã khuyên bảo nhưng chị L không nghe mà còn có lời lẽ thiếu tôn trọng anh và bố mẹ anh. Lần cuối cùng chị L bỏ đi là vào tháng 9/2017, anh đến tìm nhưng chị L không về chung sống cùng anh nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn, anh xin đoàn tụ.

Về con chung: Chị L và anh T đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Huyền Tr, sinh ngày 27/10/2014 và cháu Trần Đình H, sinh ngày 05/12/2016, hiện cả hai cháu đang do anh T nuôi dưỡng. Ly hôn, anh chị có quan điểm là để anh T tiếp tục nuôi cả hai cháu, chị L có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị L và anh T không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nhâm Thị Thùy L giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghỉ nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Chị Nhâm Thị Thùy L đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Trần Đình T không chấp hành quy định tại các Điều 70, 72, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể là không chấp hành giấy triệu tập, không làm bản tự khai, không nhận cũng không ký vào các văn bản tố tụng của Tòa án, không có mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13

ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho ly hôn giữa chị Nhâm Thị Thùy L và anh Trần Đình T; Về con chung: Giao cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Huyền Tr, sinh ngày 27/10/2014 và cháu Trần Đình H, sinh ngày 05/12/2016, chị L có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Tr và cháu H mỗi cháu 1.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng; Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng; Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L phải chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nhâm Thị Thùy L xin ly hôn anh Trần Đình T, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về *"Ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Anh T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại đội 7, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nhâm Thị Thùy L và anh Trần Đình T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/6/2014 tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L còn quá trẻ tuổi, được bố mẹ đẻ chiều chuộng, do vậy sau khi kết hôn với anh T thì chị L không biết lo toan công việc gia đình, cũng không biết chăm lo cho chồng con, không khéo léo trong cách ứng xử với gia đình chồng, lẽ ra anh T phải là người chỉ bảo cho chị L nhưng anh T lại chửi bới, đánh đập chị L; bên cạnh đó chị L còn có thái độ và lời lẽ thiếu tôn trọng bố mẹ anh T, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhiều lần, anh T đến tìm chị lại về chung sống, nhưng chỉ được thời gian ngắn vợ chồng anh chị lại xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 9/2017, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở hẳn, anh T đến tìm nhưng chị L không về chung sống cùng anh T nữa, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Mặc dù anh T xin đoàn tụ nhưng anh cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ của vợ chồng, tại biên bản lấy lời khai ngày 17/9/2018 anh T xác định anh không thể đồng ý ly hôn chị L dễ dàng được, khi nào chị L về quỳ xuống xin anh thì khi đó anh mới xem xét việc ly hôn. Tại biên bản làm việc giữa Tòa án với chính quyền địa phương xã B thì địa phương có quan điểm mâu thuẫn của vợ chồng anh chị kéo dài, thời gian sống ly thân đã lâu, việc về đoàn tụ là khó, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh T luôn có thái độ chống đối, không chấp hành giấy triệu tập, không làm bản tự khai, không

nhận cũng không ký vào văn bản tố tụng của Tòa án. Do anh T vắng mặt không có lý do nên ngày 04/10/2018, Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc anh T xin đoàn tụ là không thiện chí, chỉ là gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án mà thôi. Do vậy, cần xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nhâm Thị Thùy L và anh Trần Đình T có 02 con chung là cháu Trần Huyền Tr, sinh ngày 27/10/2014 và cháu Trần Đình H, sinh ngày 05/12/2016. Chị L và anh T đều có quan điểm là để anh T tiếp tục nuôi cả hai cháu, chị L có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi cháu là 1.000.000đ/ tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái, song việc giao con cho anh nuôi phải xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên; chị L hiện tại không có nơi ở, không có công việc và thu nhập ổn định; anh T và các cháu đang ở cùng bố mẹ đẻ anh tại thôn 7, xã B, các cháu do anh T và gia đình chăm sóc, có cuộc sống ổn định, sức khỏe bình thường, hiện anh T đang làm công việc lái xe tải cho cửa hàng bán tạp hóa ở tỉnh Quảng Ninh, thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng; mặt khác chị L bỏ đi khi cháu Hoàng được 03 tháng tuổi nên hiện các cháu không theo chị L, bản thân chị L cũng không có trách nhiệm, không quan tâm gì đến các cháu. Tại biên bản làm việc với UBND xã B, đại diện chính quyền địa phương cho biết hiện tại các cháu được anh T và bố mẹ anh T chăm sóc rất chu đáo, anh T có nơi ăn ở và công việc, thu nhập ổn định. Do vậy, cần giao cháu Trần Huyền Tr và cháu Trần Đình H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, buộc chị L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi cháu là 1.000.000đ (một triệu đồng)/1 tháng kể từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Ly hôn anh chị đều không đề nghị Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nhâm Thị Thùy L và anh Trần Đình T.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Đình T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Huyền Tr, sinh ngày 27/10/2014 và cháu Trần Đình H, sinh ngày 05/12/2016. Buộc chị L có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Tr và cháu H, mỗi cháu 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 12/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng.

Anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối cháu Tr và cháu H.

3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nhâm Thị Thùy L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nhâm Thị Thùy L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị L đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2015/0002319 ngày 17/9/2018 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị phải nộp (chị L đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Chị Nhâm Thị Thùy L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trần Đình T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Thị Kim Ngân
(Đã ký)